**Tên : ………………………………**

**Lớp:….**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 3**

**I. Học sinh đọc thầm bài sau rồi làm bài tập theo yêu cầu:**

**Vịt con và gà con**

Một hôm, Vịt con và Gà con đang chơi trốn tìm trong rừng, bỗng nhiên có một con Cáo xuất hiện. Nhìn thấy Cáo, Vịt con sợ quá khóc ầm lên. Gà con thấy thế vội bỏ mặc Vịt con, bay lên cành cây để trốn. Chú giả vờ không nghe, không thấy Vịt con đang hoảng hốt kêu cứu.

Cáo đã đến rất gần, Vịt con sợ quá, quên mất bên cạnh mình có một hồ nước, chú vội vàng nằm giả vờ chết. Cáo vốn không thích ăn thịt chết, nó lại gần Vịt, ngửi vài cái rồi bỏ đi.

Gà con đậu trên cây cao thấy Cáo bỏ đi, liền nhảy xuống. Ai dè "tùm" một tiếng, Gà con rơi thẳng xuống nước, cậu chới với kêu:

- "Cứu tôi với, tôi không biết bơi!"

Vịt con nghe tiếng kêu, không ngần ngại lao xuống cứu Gà con lên bờ. Rũ bộ lông ướt sũng, Gà con xấu hổ nói:

- Cậu hãy tha lỗi cho tớ, sau này nhất định tớ sẽ không bao giờ bỏ rơi cậu nữa.

(Theo Những câu chuyện về tình bạn)

**Câu 1: Khi thấy Vịt con kêu khóc, Gà con đã làm gì?**

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

A. Gà con vội vàng nằm giả vờ chết.

B. Gà con sợ quá khóc ầm lên.

C. Gà con đến cứu Vịt con.

D. Gà con bỏ mặc Vịt con, bay lên cây cao để trốn.

**Câu 2: Trong lúc nguy hiểm, Vịt con đã làm gì để thoát thân?**

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

A. Vịt con nhảy xuống hồ nước ngay bên cạnh.

B. Vịt con hốt hoảng kêu cứu.

C. Vịt con vội vàng nằm giả vờ chết.

D. Vịt con vội vàng bỏ chạy.

**Câu 3: Theo em, cuối cùng Gà con đã rút ra được bài học gì?**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Câu 4:** **Vì sao Gà con cảm thấy xấu hổ?**

Đúng điền Đ, Sai điền S vào mỗi ô trống trước các ý sau:

[ ] Vì Gà con thấy Vịt con bơi giỏi.

[ ] Vì Vịt con tốt bụng, đã cứu giúp Gà con khi Gà con gặp nạn.

[ ] Vì Gà con thấy Vịt con sợ quá khóc to.

**Câu 5**: **Qua câu chuyện trên, em học được điều gì?**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 6**: **Hãy tìm trong bài một câu nói về sự dũng cảm của Vịt con.**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 7:** **Đặt dấu chấm, dấu phẩy và dấu hai chấm vào chỗ thích hợp trong câu dưới đây:**

Hồng nói với bạn () " Ngày mai () mình đi về ngoại chơi ()"

**Câu 8**: **Đặt một câu có sử dụng biện pháp nhân hóa.**

 ………………………………………………………………………………

**II. luyện từ và câu**

**1. Nối từ ngữ chỉ người tri thức (cột A) và hoạt động phù hợp của họ (cột B)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A |   | B |
| (1) Nhà bác học |   | (a) dạy học, giáo dục học sinh |
| (2) Bác sĩ |   | (b) sáng tác tác phẩm văn học |
| (3) Kĩ sư |   | (c) nghiên cứu khoa học |
| (4) Thầy giáo, cô giáo |   | (d) thiết kế, chế tạo máy móc,… |
| (5) Nhà văn, nhà thơ |   | (e) khám bệnh, chữa bệnh |

**2. Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu sau rồi chép lại:**

a) Ở trường em được tham gia nhiều hoạt động bổ ích

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

b) Hai bên hè phố nhiều cửa hàng bày la liệt quần áo đủ màu sắc

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

c) Trên đỉnh núi cao lá cờ đỏ sao vàng phấp phới tung bay trong gió.

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

d) Ngoài ruộng những chiếc nón trắng nhấp nhô trông thật đẹp mắt.

……………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………

**III. Tập làm văn:**

Đề: Em hãy viết một đoạn văn kể về một người lao động trí óc mà em biết .

Gợi ý

a. Người đó là ai, làm nghề gì?

b. Người đó hằng ngày làm những việc gì?

(Kể cụ thể những việc làm của họ)

c. Người đó làm việc như thế nào?

(Nói rõ được cách làm việc của người mình kể)

d. Công việc ấy quan trọng, cần thiết như thế nào đối với mọi người?

e. Em có thích làm công việc như người ấy không?

g. Tình cảm của em đối với người đó như thế nào?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**\* ĐÁP ÁN ĐỀ ÔN TẬP**

**I. Kiểm tra Đọc**

Câu 1: D

Câu 2: C

Câu 3:

Gà con biết lỗi của mình là: Gà con xin lỗi Vịt con và hứa không bao giờ bỏ rơi Vịt con nữa. Hoặc "Không bao giờ bỏ rơi bạn khi bạn gặp khó khăn, nguy hiểm."; ...

Câu 4:

- Theo thứ tự: S , Đ , S

Câu 5:

(HS tự nêu)

Câu 6:

Vịt con nghe tiếng kêu, không ngần ngại lao xuống cứu Gà con lên bờ.

Câu 7:

Hồng nói với bạn: "Ngày mai, mình đi về ngoại chơi."

Câu 8:

Ví dụ: Chú ếch con đang ngồi học bài bên bờ sông.

**II. Nối từ ngữ chỉ người tri thức (cột A) và hoạt động phù hợp của họ (cột B)**

1-c, 2-e, 3-d, 4-a, 5-b

**3. Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu sau rồi chép lại:**

a) Ở trường, em được tham gia nhiều hoạt động bổ ích

b) Hai bên hè phố, nhiều cửa hàng bày la liệt quần áo đủ màu sắc

c) Trên đỉnh núi cao, lá cờ đỏ sao vàng phấp phới tung bay trong gió.

d) Ngoài ruộng, những chiếc nón trắng nhấp nhô trông thật đẹp mắt.

**III. Tập làm văn:**

- Nội dung:

Học sinh viết được đoạn văn gồm các ý theo đúng yêu cầu nêu trong đề bài.

- Kĩ năng:

 kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả. Kĩ năng dùng từ, đặt câu